

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/7/2021

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, về yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M - Sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Đinh Quang T - Sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà M; vắng mặt ông T không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Bà M và ông Đinh Quang T chung sống với nhau ngày 12/6/1988 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Cường nhưng vì thời gian đã quá lâu nên không còn lưu giữ được tài liệu gì để chứng M, Ủy ban nhân dân xã Thọ Cường cũng không lưu giữ được hồ sơ sổ sách để chứng M. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc

cho đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau. Ông T cho rằng người con trai đầu Đinh Quang L không phải là con ruột của ông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, có lúc dẫn đến xô xát, đã rất nhiều lần phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Đến tháng 10/2019 vợ chồng lại đánh cãi nhau, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Kể từ tháng 10/2020 cho đến nay bà và ông T đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T và đăng ký kết hôn bị thất lạc nên nay không còn và UBND xã Thọ Cường trả lời bằng văn bản hiện nay không còn sổ lưu đăng ký kết hôn của vợ chồng. Do vậy không có tài liệu chứng M bà và ông T có đăng ký kết hôn, nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đinh Quang T là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Đinh Quang L, sinh ngày 08/8/1989 và Đinh Quang L1, sinh ngày 16/7/1991. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường, bà M không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết bị đơn ông Đinh Quang T trình bày:

Ông T và bà Phạm Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới vào tháng 6/1988. Cũng vào tháng 6/1988 UBND xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn, nhưng do bị thất lạc nên nay không còn. Do vậy không có tài liệu chứng M ông và bà M có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau. Đến tháng 10/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thiếu thốn kinh tế nên hay cãi nhau, từ tháng 10/2020 vợ chồng sống ly thân ông có đến xin nhưng bà M không đồng ý. Nay bà M có đơn xin ly hôn ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ làm ăn cho con cháu có nơi dựa nhờ. Ông xin hứa từ nay ông không chửi bới, nói nặng, không đánh đập bà M nữa và xin được thời gian để sửa sai của bản thân.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là Đinh Quang L, sinh ngày 08/8/1989 và Đinh Quang L1, sinh ngày 16/7/1991. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường, không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà M và ông T là vợ chồng; Về con chung ông bà có 02 con chung là Đinh Quang L và Đinh Quang L1 do đã đều đủ tuổi trưởng thành nên không giải quyết; Về tài sản ông bà không yêu cầu giải quyết; Buộc bà M phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà M yêu cầu giải quyết: Không công nhận là vợ chồng. Cả bà M và ông T đều có địa chỉ tại xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Đinh Quang T không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 18/6/2021. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông T.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà M và ông T đều thừa nhận: Anh và chị chung sống với nhau vào tháng 6/1988 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và UBND xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn, nhưng do bị thất lạc nên nay không còn. Quá trình chung sống cho đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau. Kể từ tháng 10/2020 cho đến nay ông T và bà M đã sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân ông T vẫn đến chỗ bà M nhưng bà M không đồng ý. Bà M yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng. Ông T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng làm ăn với con cháu, ông xin hứa từ nay ông không chửi bới, nói nặng, không đánh đập bà M nữa và xin được thời gian để sửa sai của bản thân.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ủy ban nhân dân xã Thọ Cường đã có văn bản ngày 27/4/2021 khẳng định không có hồ sơ đăng ký kết hôn giữa bà M và ông T. Tòa án huyện Triệu Sơn cũng đã tiến hành xác M tại Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn về việc có hồ sơ lưu trữ về kết hôn giữa bà M và ông T không. Tại văn số 26/UBND-TP ngày 19/5/2021 Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn khẳng định: Qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn của UBND xã Thọ Cường không còn lưu trữ tại phòng “Không có hồ sơ và thông tin về đăng ký kết hôn giữa bà M và ông T lưu trữ tại đơn vị”. Do đó, không có cơ sở và tài liệu nào để khẳng định bà M và ông T có đăng ký kết hôn. Như vậy bà M và ông T chỉ sống chung như vợ chồng mà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Mặc dù cả ông bà đều thống nhất quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân, tuy nhiên việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật HNGĐ nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà M có đơn đề nghị không công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ xử không công nhận bà Phạm Thị M và ông Đinh Quang T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung là Đinh Quang L, sinh ngày 08/8/1989 và Đinh Quang L1, sinh ngày 16/7/1991. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị M là nguyên đơn trong vụ án nên buộc bà M phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị M và ông Đinh Quang T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận bà Phạm Thị M và ông Đinh Quang T có 02 con chung là: Đinh Quang L - Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1989 và Đinh Quang L1 - Sinh ngày 16 tháng 7 năm 1991. Hiện nay hai con đã đủ tuổi trưởng thành nên ông T và bà M không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0001356 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với bà M kể từ ngày tuyên án, đối với ông T kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

